TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v ly hôn giữa anh D và chị H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

- ***Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Không

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/4/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 470/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn D; sinh năm 198*

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Chị Trương Thị H; sinh năm 199*

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019 và trong bản tự khai cũng như Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trương Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị H quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hoá, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mẫu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2016. Hiện tại anh D cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Văn T, sinh ngày 24/8/201*. Con đang ở với anh D, anh D có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Trương Thị H trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh D vì quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

- Con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Văn T, sinh ngày 24/8/201*. Đồng ý giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị H cũng trình bày lý do chị không về được theo các giấy triệu tập của Toà án là do chị bị đau nặng không thể về giải quyết vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn D yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Trương Thị H, xét yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn D và chị Trương Thị H được UBND xã Minh Hoá, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn D: Vợ chồng anh D và chị H không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, không thể hàn gắn được và hai vợ chồng cũng đã sống ly thân. Anh D và chị H cũng đồng ý ly hôn. Tòa án xét thấy tình

trạng hôn nhân của anh D và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh D và chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Văn T, sinh ngày 24/8/201*. Hiện tại cháu đang ở với anh D. Nguyện vọng của anh D là xin nuôi con chung, cháu T cũng muốn ở với bố và chị H cũng đồng ý giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét sự thoả thuận về con chung của anh D và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 82, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trương Văn D và chị Trương Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Văn T, sinh ngày 24/8/201* cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không giải quyết.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các

thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004108 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình. Anh D nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/10/2019) Anh D, chị H có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Minh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh